

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ-LUẬT**

VÕ TRUNG HẬU

**PHÁP LUẬT VỀ BẢO HỘ QUYỀN TÁC GIẢ
TRONG MÔI TRƯỜNG INTERNET**

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ LUẬT HỌC

Thành phố Hồ Chí Minh, năm 2020

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ-LUẬT**

VÕ TRUNG HẬU

**PHÁP LUẬT VỀ BẢO HỘ QUYỀN TÁC GIẢ
TRONG MÔI TRƯỜNG INTERNET**

Chuyên ngành: Luật kinh tế
Mã số chuyên ngành: 62.38.01.07

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN KHOA HỌC

CBHD 1: TS. NGUYỄN ĐÌNH HUY

CBHD 2: TS. CHÂU THỊ KHÁNH VÂN

CÁN BỘ PHẢN BIỆN ĐỘC LẬP

Cán bộ phản biện độc lập thứ nhất: **PGS. TS. LÊ THỊ BÍCH THỌ**

Cán bộ phản biện độc lập thứ hai: **TS. LÊ VĂN HÙNG**

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ LUẬT HỌC

Thành phố Hồ Chí Minh, năm 2020

CHƯƠNG 1

TỔNG QUAN VỀ VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU

1.1. Tổng quan tình hình nghiên cứu

1.1.1. Các công trình nghiên cứu trong nước

Các công trình nghiên cứu tiêu biểu: *Bảo hộ quyền tác giả trong môi trường kỹ thuật số theo Điều ước quốc tế và pháp luật Việt Nam* (Vũ Thị Phương Lan, 2018, Nxb. Chính trị quốc gia sự thật); *Quyền tác giả trong số hóa tài liệu và phát triển bộ sưu tập số tại các thư viện đại học* (Đông Đức Hùng, 2018, Tạp chí Văn hóa Nghệ thuật); *Quyền sở hữu trí tuệ trong thương mại điện tử* (Phạm Thị Mai Khanh, Trường Đại học Ngoại Thương); *Bảo hộ quyền tác giả trong môi trường Internet* (Đỗ Khắc Chiến, 2015, Hội thảo Bảo hộ quyền tác giả trong môi trường số tại Việt Nam); *Quyền tác giả trong không gian ảo* (Nguyễn Thị Hồng Nhung, 2015, Nxb Đại học quốc gia TP.HCM); *Quyền tác giả của Việt Nam - pháp luật và thực thi* (Trần Văn Nam, 2014, Nxb. Tư pháp); *“Những thách thức về mặt pháp lý trong việc bảo hộ quyền tác giả trong môi trường Internet”* (Lê Thị Nam Giang, công 2014, Hội thảo Bảo hộ quyền tác giả trong môi trường số tại Việt Nam); *Vấn đề quyền tác giả trong hoạt động thư viện* (Lê Văn Viết, 2014, Tạp chí Thư viện Việt Nam); *Hội nhập quốc tế về bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ ở Việt Nam* (Kiều Thị Thanh, 2013, Nxb. Chính trị hành chính); *Thực hiện quyền sở hữu trí tuệ và quyền tác giả trong hoạt động thông tin - thư viện* (Bùi Loan Thùy và Bùi Thu Hằng, 2011, Tạp chí Thư viện Việt Nam); *Bàn về quy định của Luật Sở hữu trí tuệ Việt Nam liên quan đến ngoại lệ quyền tác giả, quyền liên quan* (Vũ Thị Hải Yến, 2010, Tạp chí Luật học).

1.1.2. Các công trình nghiên cứu ngoài nước

Các công trình nghiên cứu tiêu biểu như: *Malaysian copyright law in the digital environment: does it provide a balance of interests between copyright owners and the public* (Sik Heng Peng, 2016,

Malaysia University); *Buffering and the Reproduction Right: When is a Copy a Copy* (Steven Foley, 2010, Cybaris-Intellectual Property Law); *Intellectual Property Rights in a Networked World: Theory and Practice* (Richard A. Spinello và Herman T. Tavani, 2004, Nxb Information Science Publishing); *Caching In on the Google Books Library Project: A Novel Approach to the Fair Use Defense and the DMCA Caching Safe Harbors* (Jesse S. Bennet, 2008, Florida State University Law Review); *EU Digital Copyright law and the End – User*”, của tác giả (Giuseppe Mazziot, 2007, European University Institute); *Transmission of Copyrighted works over the Internet: Rights and Exceptions* (Hong Tao, 2006, Bond University); *Intellectual Property: Digital Rights Management* (Ranbir Sing, Yogesh Pai, Neha Juneja, Ms. Nisha Gera và Yogesh Pai); *Digital Rights Management: An Overview of the Public Policy Solutions to Protecting Creative Works in a Digital Age* (Trampas A. Kurth, 2002); *The public display right: The Copyright Act’s neglected solution to the controversy over Ram “copies”* (R. Anthony Reese, 2001, University of Illinois Law Review).

1.1.3. Đánh giá chung về tình hình nghiên cứu

1.1.3.1. Những vấn đề đã được làm rõ và Luận án tiếp tục kế thừa

Thứ nhất, các công trình nêu sự khác biệt của một “bản sao” trên Internet và bản sao vật lý. *Thứ hai*, các công trình thừa nhận việc bảo hộ quyền tác giả trong môi trường Internet cần được mặt trái của công nghệ mới. *Thứ ba*, các công trình đã đề cập đến một số trường hợp được sử dụng tác phẩm đã công bố mà không phải xin phép chủ sở hữu quyền tác giả, trong đó có hoạt động của thư viện điện tử và hoạt động giáo dục trực tuyến (nghiên cứu cá nhân, giảng dạy).

1.1.3.2. Những vấn đề Luận án tiếp tục giải quyết

Thứ nhất, Luận án tiếp tục làm rõ những nội dung về tác động của Internet đối với bảo hộ quyền tác giả. *Thứ hai*, Luận án làm rõ khả năng áp dụng pháp luật sở hữu trí tuệ hiện hành cho bản sao trong môi trường Internet. *Thứ ba*, Luận án xác định phạm vi quyền tự bảo vệ tác phẩm bằng biện pháp công nghệ.

1.2. Cơ sở lý thuyết nghiên cứu

1.2.1. Lý thuyết về quyền sở hữu

1.2.1.1. Nội dung lý thuyết về quyền sở hữu

Quan điểm về quyền sở hữu được John Locke đưa ra trong công trình Khảo luận về chính quyền năm 1689. Lý thuyết này chứng minh rằng cần dành quyền sở hữu các thành quả sáng tạo trí tuệ cho người tạo ra chúng, vì sức lao động của họ .

1.2.1.2. Vận dụng lý thuyết về quyền sở hữu vào việc nghiên cứu của Luận án

Cách tiếp cận của John Locke lý giải tại sao pháp luật phải ghi nhận các quyền độc quyền dành cho người sáng tạo tác phẩm. Những quyền này không bị mất đi trong môi trường Internet. Internet phát triển đã đặt ra những vấn đề chưa từng xuất hiện trong môi trường vật chất hữu hình. Do đó, cần xem xét khái niệm quyền sao chép và xem xét phạm vi quyền tự bảo vệ tác phẩm bằng biện pháp công nghệ .

1.2.2. Thuyết Công lợi

1.2.2.1. Nội dung thuyết Công lợi

Thuyết Công lợi được sáng lập bởi Jeremy Bentham vào năm 1781, sau đó được phổ biến bởi John Stuart Mill. Thuyết Công lợi cho rằng một hoạt động được xem là quy chuẩn đạo đức nếu nó tạo ra lợi ích lớn nhất cho một số lượng người lớn nhất. Một hành động hỗ trợ con người đến những tiện ích cao sẽ tạo ra một mức độ hạnh phúc lớn hơn.

1.2.2.2. Vận dụng thuyết Công lợi vào việc nghiên cứu của Luận án

Thuyết Công lợi cung cấp khuôn khổ cho việc phân tích ngoại lệ quyền sao chép, quyền tự bảo vệ tác phẩm bằng biện pháp công nghệ trong môi trường Internet.

1.2.3. Quan điểm của kinh tế học về hàng hóa công cộng và hai loại hiệu suất cơ bản

1.2.3.1. Nội dung của kinh tế học về hàng hóa công cộng và hai loại hiệu suất cơ bản

Kinh tế học vi mô chỉ ra rằng hàng hóa công cộng có hai tính chất: tính không loại trừ và tính không cạnh tranh. Tài sản trí tuệ có đủ các đặc tính này

Các lý thuyết kinh tế đặt ra hai loại hiệu suất cơ bản: Hiệu suất tĩnh và hiệu suất động. Nếu phạm vi các quyền độc quyền càng rộng thì mức tổn thất được tạo ra bởi việc cấp quyền độc quyền càng cao.

1.2.3.2. Vận dụng quan điểm kinh tế học về hàng hóa công cộng và hai loại hiệu suất cơ bản vào việc nghiên cứu của Luận án

Cần xóa bỏ tính không loại trừ của quyền tác giả. Mặt khác, cần cho phép nhất định đối với việc khai thác tác phẩm được bảo hộ mà không phải xin phép thì sẽ đạt được tổng lợi ích tối ưu hơn là bảo hộ quá chặt chẽ quyền tác giả.

1.3. Câu hỏi nghiên cứu, giả thuyết nghiên cứu, dự kiến kết quả nghiên cứu

1.3.1. Câu hỏi nghiên cứu tổng quát

“Trong môi trường Internet, pháp luật về bảo hộ quyền tác giả phải sửa đổi, bổ sung như thế nào nhằm đảm bảo quyền con người?”

Giả thuyết nghiên cứu:

Pháp luật về bảo hộ quyền tác giả phải đảm bảo quyền con người mà về bản chất là phải đảm bảo được một sự cân bằng hợp lý giữa quyền độc quyền dành cho người sáng tạo tác phẩm với quyền tiếp cận tri thức, tận hưởng văn hóa, nghệ thuật của công chúng.

Internet phát triển tạo ra những vấn đề mà pháp luật bảo hộ quyền tác giả chưa từng đối diện trong môi trường truyền thống, bao gồm: (i) sự khác biệt giữa bản sao tác phẩm số so với bản sao hữu hình; (ii) sự xuất hiện của biện pháp công nghệ bảo vệ tác phẩm. Do đó, pháp luật về bảo hộ quyền tác giả cần phải sửa đổi, bổ sung nhằm phù hợp với môi trường Internet mà vẫn đảm bảo quyền của người sáng tạo tác phẩm nhằm khuyến khích hoạt động sáng tạo, đảm bảo quyền tiếp cận tri thức, tận hưởng văn hóa, nghệ thuật của công chúng.

Dự kiến kết quả nghiên cứu:

Trong môi trường Internet, bản chất và nguyên tắc của bảo hộ quyền tác giả không thay đổi nhưng cần phải có sự điều chỉnh về phạm vi và ngoại lệ quyền sao chép, quyền tự bảo vệ tác phẩm bằng biện pháp công nghệ nhằm đảm bảo cân bằng giữa lợi ích của người sáng tạo và lợi ích công cộng.

1.3.2. Câu hỏi nghiên cứu chi tiết

Câu hỏi nghiên cứu chi tiết 1: Internet đặt ra những vấn đề gì đối với bảo hộ quyền tác giả nhằm đảm bảo cân bằng giữa lợi ích của người sáng tạo tác phẩm và lợi ích của người dùng Internet?

Giả thuyết nghiên cứu dựa trên câu hỏi nghiên cứu chi tiết 1:

Bản chất của pháp luật về bảo hộ quyền tác giả là phải đảm bảo cân bằng giữa lợi ích của người sáng tạo và lợi ích công cộng.

Internet phát triển đã đặt ra những vấn đề đối với phạm vi và ngoại lệ của quyền sao chép, quyền tự bảo vệ tác phẩm bằng biện pháp công nghệ.

Dự kiến kết quả nghiên cứu dựa trên câu hỏi nghiên cứu chi tiết 1:

Internet đặt ra vấn đề xác định phạm vi quyền sao chép đối với bản sao lưu trữ tạm thời, quyền tự bảo vệ tác phẩm bằng biện pháp công nghệ.

Ngoại lệ quyền tác giả trong môi trường Internet chịu những tác động tiêu cực của hành vi tự bảo vệ tác phẩm bằng biện pháp công nghệ, hành vi tạo bản sao tác phẩm số liên quan đến những trường hợp khai thác tác phẩm đã công bố mà không phải xin phép chủ sở hữu quyền tác giả.

Câu hỏi nghiên cứu chi tiết 2: Quyền sao chép trong môi trường Internet phải điều chỉnh như thế nào nhằm đảm bảo cân bằng giữa lợi ích của người sáng tạo và lợi ích của người dùng Internet?

Giả thuyết nghiên cứu dựa trên câu hỏi nghiên cứu chi tiết 2:

Hành vi tạo bản sao tác phẩm số gồm hành vi tạo bản sao lưu trữ vĩnh viễn và bản sao lưu trữ tạm thời. Vì vậy, phải xem xét quyền sao chép đối với bản sao lưu trữ vĩnh viễn và quyền sao chép đối với bản sao lưu trữ tạm thời.

Để đảm bảo hoạt động của thư viện điện tử, giáo dục trực tuyến thì cần phải mở rộng phạm vi ngoại lệ quyền sao chép tác phẩm số.

Dự kiến kết quả nghiên cứu dựa trên câu hỏi nghiên cứu chi tiết 2:

Quyền sao chép đối với bản sao lưu trữ tạm thời không thuộc phạm vi quyền độc quyền của người sáng tạo tác phẩm nên phải sửa đổi khái niệm quyền sao chép và tính định hình.

Kiến nghị sửa đổi quy định pháp luật về những trường hợp được phép sao chép tác phẩm đã công bố mà không phải xin phép nhằm đảm bảo hoạt động của thư viện điện tử, tổ chức giáo dục trực tuyến cho phù hợp với Internet.

Câu hỏi nghiên cứu chi tiết 3: Quyền tự bảo vệ tác phẩm bằng biện pháp công nghệ phải điều chỉnh như thế nào nhằm đảm bảo cân bằng giữa lợi ích của người sáng tạo và lợi ích của người dùng Internet?

Giả thuyết nghiên cứu dựa trên câu hỏi nghiên cứu chi tiết 3:

Hành vi tự bảo vệ tác phẩm bằng biện pháp công nghệ gồm hành vi áp dụng biện pháp công nghệ kiểm soát truy cập và biện pháp công nghệ kiểm soát khai thác tác phẩm.

Trong môi trường Internet, chủ sở hữu quyền tác giả có thể áp dụng các biện pháp công nghệ để kiểm soát truy cập, khai thác tác phẩm số. Vì vậy, hành vi sử dụng biện pháp công nghệ để bảo vệ tác phẩm có khả năng ảnh hưởng đến quyền của người dùng Internet trong những trường hợp khai thác tác phẩm mà không phải xin phép theo quy định pháp luật.

Dự kiến kết quả nghiên cứu của câu hỏi nghiên cứu chi tiết 3:

Sửa đổi, bổ sung quy phạm pháp luật về quyền tự bảo vệ tác phẩm bằng biện pháp công nghệ nhằm đảm bảo quyền của người sáng tạo.

Kiến nghị mở rộng phạm vi ngoại lệ quyền tự bảo vệ tác phẩm bằng biện pháp công nghệ nhằm đảm bảo quyền của người dùng Internet.

1.4. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu sinh sử dụng các phương pháp: (i) Phương pháp phân tích; (ii) Phương pháp tổng hợp; (iii) Phương pháp so sánh luật học; (iv) Phương pháp phân tích luật bằng các công cụ kinh tế.

1.5. Mục đích, đối tượng, phạm vi nghiên cứu

1.5.1. Mục đích nghiên cứu

(i) Luận án nhằm cung cấp cơ sở khoa học về phạm vi quyền sao chép, quyền tự bảo vệ tác phẩm bằng biện pháp công nghệ; ngoại lệ quyền sao chép, quyền tự bảo vệ tác phẩm bằng biện pháp công nghệ trong môi trường Internet.

(ii) Luận án phân tích và đánh giá kinh nghiệm ban hành quy định pháp luật về việc điều chỉnh quyền sao chép, quyền tự bảo vệ tác phẩm bằng biện pháp công nghệ trong môi trường Internet của Hoa

kỳ, Nhật Bản, Úc. Từ đó, Luận án kiến nghị hoàn thiện pháp luật Việt Nam.

1.5.2. Đối tượng nghiên cứu

Luận án nghiên cứu bốn vấn đề sau: (i) Quyền sao chép trong môi trường Internet; (ii) Ngoại lệ quyền sao chép trong môi trường Internet; (iii) Quyền tự bảo vệ tác phẩm bằng biện pháp công nghệ; (iv) Ngoại lệ quyền tự bảo vệ tác phẩm bằng biện pháp công nghệ.

1.5.3. Phạm vi nghiên cứu

1.5.3.1. Về không gian

Luận án lựa chọn các quốc gia Hoa Kỳ, Nhật Bản, Úc để nghiên cứu quy định pháp luật về quyền tác giả điều chỉnh đối với quyền sao chép và quyền tự bảo vệ tác phẩm bằng biện pháp công nghệ.

1.5.3.2. Về nội dung

Tác giả lựa chọn nghiên cứu làm rõ các vấn đề sau: (i) Quyền và ngoại lệ quyền sao chép trong môi trường Internet; (ii) Quyền và ngoại lệ quyền tự bảo vệ tác phẩm bằng biện pháp công nghệ.

1.6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của Luận án

Một, Luận án hệ thống hóa, phân tích, hoàn thiện làm rõ cơ sở lý luận về sự cần thiết phải mở rộng phạm vi quyền sao chép tác phẩm kỹ thuật số, quyền tự bảo vệ tác phẩm bằng biện pháp công nghệ và các ngoại lệ.

Hai, Luận án phân tích, đánh giá kinh nghiệm các nước trong việc xây dựng phương thức giải quyết các vấn đề liên quan đến quyền và ngoại lệ quyền sao chép, quyền và ngoại lệ quyền tự bảo vệ tác phẩm bằng biện pháp công nghệ trong môi trường Internet.

Ba, Luận án đưa ra các kiến nghị nhằm giải quyết các vấn đề đặt ra theo hướng đảm bảo hài hòa lợi ích của người sáng tạo tác phẩm và người dùng Internet.

Bốn, kết quả nghiên cứu của Luận án làm cơ sở đề xuất, bổ sung những vấn đề lý luận về quyền tác giả, ngoại lệ quyền tác giả trong môi trường Internet.

Luận án có thể dùng làm tài liệu nghiên cứu, giảng dạy tại các trường đại học; làm tài liệu bồi dưỡng kiến thức pháp luật cho đội ngũ luật sư, thẩm phán, kiểm sát viên; làm tài liệu tham khảo để sửa đổi, bổ sung Luật Sở hữu trí tuệ Việt Nam.

1.7. Kết cấu của Luận án

Ngoài phần Mở đầu, Kết luận và Danh mục tài liệu tham khảo thì nội dung Luận án gồm 4 chương như sau:

Chương 1: Tổng quan về vấn đề nghiên cứu

Chương 2: Lý luận chung về bảo hộ quyền tác giả trong môi trường Internet

Chương 3: Quyền sao chép trong môi trường Internet

Chương 4: Quyền tự bảo vệ tác phẩm bằng biện pháp công nghệ

CHƯƠNG 2

LÝ LUẬN CHUNG VỀ BẢO HỘ

QUYỀN TÁC GIẢ TRONG MÔI TRƯỜNG INTERNET

2.1. Khái niệm, đặc điểm của bảo hộ quyền tác giả

2.2.1. Khái niệm bảo hộ quyền tác giả

Bảo hộ quyền tác giả là việc Nhà nước ban hành các quy phạm pháp luật, tạo cơ sở cho việc xác lập, công nhận và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho các tổ chức, cá nhân đối với tác phẩm do họ sáng tạo. Việc bảo hộ này phải vừa bảo vệ quyền lợi của người sáng tạo, vừa bảo vệ lợi ích cộng đồng.

2.1.2. Mục đích của bảo hộ quyền tác giả

Thứ nhất, bảo hộ quyền tác giả nhằm đảm bảo quyền độc quyền dành cho người sáng tạo tác phẩm (được ghi nhận tại Khoản 2, Điều 20, Luật Sở hữu trí tuệ Việt Nam; Đoạn 2, điều 27, Tuyên ngôn

quốc tế về Quyền con người. *Thứ hai*, bảo hộ quyền tác giả nhằm đảm bảo lợi ích công cộng bằng quy định pháp luật về ngoại lệ quyền tác giả (được ghi nhận tại Đoạn 1, Điều 26, Tuyên ngôn quốc tế về quyền con người, Công ước Berne, Hiệp định TRIPS, Hiệp ước WCT, Khoản 1, Điều 25 và Khoản 1, Điều 26, Luật Sở hữu trí tuệ Việt Nam).

2.2. Những vấn đề Internet đặt ra đối với bảo hộ quyền tác giả

2.2.1. Phương thức hoạt động của Internet

Internet tạo ra khả năng số hóa tác phẩm ở quy mô lớn, việc lưu trữ, truy xuất và sử dụng tác phẩm dễ dàng hơn, phương thức chuyển gói dữ liệu giúp cho việc truyền tải thông tin trên toàn cầu. Internet đã đặt ra vấn đề về quyền sao chép trong môi trường Internet và quyền tự bảo vệ tác phẩm bằng biện pháp công nghệ.

2.2.2. Những vấn đề Internet đặt ra đối với quyền sao chép

Internet làm cho việc sao chép và lưu trữ tác phẩm dễ dàng, nhanh chóng, số lượng lớn, chi phí rất thấp, chất lượng cao. Kỹ thuật truyền tin của Internet tạo ra hai loại bản sao: bản sao lưu trữ vĩnh viễn và bản sao lưu trữ tạm thời (trong RAM), đặt ra vấn đề cần xác định đâu mới là bản sao trong phạm vi bảo hộ của pháp luật sở hữu trí tuệ.

2.2.3. Những vấn đề Internet đặt ra đối với quyền tự bảo vệ tác phẩm bằng biện pháp công nghệ

Chủ sở hữu quyền tác giả sử dụng các biện pháp công nghệ để bảo vệ tác phẩm số trên Internet. Những biện pháp này có thể bị xâm phạm bởi các chủ thể khác. Cần làm rõ phạm vi của quyền tự bảo vệ tác phẩm bằng biện pháp công nghệ nhằm ngăn ngừa hành vi xâm phạm quyền tác giả để đảm bảo quyền của người sáng tạo tác phẩm trong môi trường Internet.

2.2.4. Những vấn đề Internet đặt ra đối với ngoại lệ quyền tác giả

Ngoại lệ quyền tác giả là quan trọng để thực hiện những nguyên tắc cơ bản của quyền con người. Ngoại lệ quyền tác giả cần được áp dụng cả trong môi trường Internet và được cụ thể bằng ngoại lệ cho giáo dục trực tuyến và ngoại lệ cho hoạt động của thư viện điện tử. Các ngoại lệ có thể bị xâm phạm bằng việc chủ sở hữu quyền tác giả sử dụng các biện pháp công nghệ bảo vệ tác phẩm. Cần đảm bảo quyền tự bảo vệ tác phẩm bằng biện pháp công nghệ là không ảnh hưởng đến những trường hợp thuộc ngoại lệ quyền tác giả.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

Pháp luật về bảo hộ quyền tác giả cần đảm bảo cân bằng giữa lợi ích của người sáng tạo và lợi ích công cộng. Môi trường Internet đã tạo ra những vấn đề chưa từng xuất hiện trong thế giới vật chất hữu hình. Vì vậy, cần phải xác định phạm vi quyền sao chép đối với hành vi tạo bản sao lưu trữ vĩnh viễn, bản sao lưu trữ tạm thời và các trường hợp ngoại lệ quyền sao chép. Đồng thời cần phải xác định phạm vi của quyền tự bảo vệ tác phẩm bằng biện pháp công nghệ.

CHƯƠNG 3

QUYỀN SAO CHÉP TRONG MÔI TRƯỜNG INTERNET

3.1. Khái niệm, đặc điểm, phân loại quyền sao chép trong môi trường Internet

3.1.1. Khái niệm, đặc điểm của quyền sao chép trong môi trường Internet

Công ước Berne, Rome dừng lại ở việc công nhận sao chép là quyền độc quyền dành cho chủ sở hữu quyền tác giả, không định nghĩa về sao chép. Hiệp ước WCT đưa ra hướng dẫn về quyền sao chép và các ngoại lệ sẽ áp dụng cả trong môi trường kỹ thuật số. Khoản 10, Điều 4, Luật Sở hữu trí tuệ Việt Nam cũng có định nghĩa về sao chép. Pháp luật Việt Nam cũng như điều ước quốc tế đều đồng ý rằng chủ sở hữu quyền tác giả có độc quyền sao chép tác phẩm dưới mọi hình thức.

Quyền sao chép trong môi trường Internet là quyền của chủ sở hữu quyền tác giả độc quyền thực hiện hoặc cho phép người khác thực hiện việc tạo ra bản sao chép trực tiếp hoặc gián tiếp một phần hoặc toàn bộ tác phẩm số bằng bất kỳ phương thức hoặc hình thức nào.

3.1.2. Phân loại quyền sao chép trong môi trường Internet

Việc lưu trữ bản sao tác phẩm số trong môi trường Internet ảnh hưởng đến tính định hình của bản sao, từ đó có thể phân loại quyền sao chép trong môi trường Internet thành: (i) quyền sao chép đối với bản sao lưu trữ vĩnh viễn và (ii) quyền sao chép đối với bản sao lưu trữ tạm thời (trong bộ nhớ đệm và trong RAM máy tính).

3.2. Pháp luật Việt Nam về quyền sao chép trong môi trường Internet

3.2.1. Thực trạng pháp luật về quyền sao chép trong môi trường Internet

Pháp luật Việt Nam về không quy định rõ ràng về hình thức thể hiện của một bản sao. Điều này tạo ra khó khăn khi áp dụng pháp luật cho bản sao lưu trữ vĩnh viễn và bản sao lưu trữ tạm thời trong môi trường kỹ thuật số vì không rõ ràng trong việc quyết định hành vi tạo bản sao tạm thời tác phẩm số có phải là hành vi thuộc phạm vi quyền độc quyền sao chép hay không.

3.2.2. Hoàn thiện pháp luật về quyền sao chép trong môi trường Internet

Sửa đổi, bổ sung điểm c, khoản 1, điều 20, Luật Sở hữu trí tuệ Việt Nam về quyền sao chép tác phẩm như sau: “*Sao chép trực tiếp hoặc gián tiếp toàn bộ hoặc một phần tác phẩm bằng bất kỳ phương tiện kỹ thuật hay hình thức nào đã biết hoặc sẽ biết trong tương lai. Trong trường hợp sao chép tạm thời là một phần thiết yếu không thể tách rời của một quy trình công nghệ, diễn ra trong quá trình hoạt động bình thường của các thiết bị được sử dụng thì không áp dụng quyền sao chép*”.

Bổ sung định nghĩa về tính định hình ở mục giải thích từ ngữ tại Điều 4, Luật Sở hữu trí tuệ Việt Nam như sau: “*Định hình là sự cố định dưới một hình thức đủ bền vững cho phép những gì ghi trên đó có thể được cảm nhận, sao chép, truyền đạt. Hình thức đủ bền vững là hình thức mà trên đó tác phẩm được định hình, có thể xem xét dưới khía cạnh về công năng theo nghĩa là tác phẩm đó có thể được cảm nhận, sao chép, hoặc truyền đạt tới công chúng với sự trợ giúp của công nghệ số*”.

3.3. Pháp luật Việt Nam về ngoại lệ quyền sao chép trong môi trường Internet

Điểm a và Điểm đ, Điều 25, Luật Sở hữu trí tuệ Việt Nam quy định về ngoại lệ quyền sao chép liên quan đến những trường hợp sao chép tác phẩm đã công bố mà không phải xin phép, không phải trả tiền nhuận bút thù lao như sau: “*tự sao chép một bản nhằm mục đích nghiên cứu khoa học, giảng dạy của cá nhân; sao chép tác phẩm để lưu trữ trong thư viện với mục đích nghiên cứu*”. Như vậy, theo Điều 25, Luật Sở hữu trí tuệ Việt Nam thì người dùng Internet chỉ được thực hiện hành vi tạo bản sao tác phẩm số nhằm mục đích nghiên cứu khoa học, giảng dạy cá nhân và lưu trữ thư viện. Vì vậy, ngoại lệ quyền sao chép trong môi trường Internet cần phải làm rõ hai vấn đề là: ngoại lệ quyền sao chép nhằm mục đích nghiên cứu, giảng dạy trực tuyến và ngoại lệ quyền sao chép nhằm mục đích lưu trữ thư viện điện tử.

3.3.1. Thực trạng pháp luật về ngoại lệ quyền sao chép nhằm mục đích nghiên cứu, giảng dạy trực tuyến và kiến nghị

Điểm a, Khoản 1, Điều 25, Luật Sở hữu trí tuệ Việt Nam quy định rằng những điều kiện phải tuân thủ để được sử dụng ngoại lệ quyền sao chép tác phẩm nhằm mục đích nghiên cứu, giảng dạy. Tuy nhiên, quy định này chưa giải thích như thế nào là “tự” sao chép. Yêu cầu “tự sao chép” cũng gần như vô nghĩa trong môi trường Internet.

Do đó, cần phải sửa đổi Điểm a, Khoản 1, Điều 25, Luật Sở hữu trí tuệ Việt Nam như sau: “Sao chép tác phẩm nhằm mục đích nghiên cứu khoa học, giảng dạy không nhằm mục đích thương mại”.

3.3.2. Thực trạng pháp luật về ngoại lệ quyền sao chép nhằm mục đích lưu trữ thư viện điện tử và kiến nghị

Điểm đ, Khoản 1, Điều 25, Luật Sở hữu trí tuệ Việt Nam quy định về việc sao chép tác phẩm để lưu trữ thư viện với mục đích nghiên cứu là không phù hợp khi chỉ cho sao chép duy nhất một bản, chưa giải quyết vấn đề sao chép để phục vụ người dùng của thư viện, không đề cập đến việc tạo bản sao tác phẩm số của bản in để phục vụ người kiểm thị. Cần bổ sung thêm một điểm vào Khoản 1, Điều 25, Luật Sở hữu trí tuệ Việt Nam như sau: “Hành vi khai thác tác phẩm của thư viện không phải là hành vi xâm phạm quyền tác giả nếu hành vi này được thực hiện bởi hoặc nhân danh cơ quan quản lý thư viện, cho mục đích duy trì hoạt động hoặc lưu trữ của thư viện, và không được khai thác vì mục đích thương mại”.

Cần mở rộng phạm vi ngoại lệ quyền sao chép nhằm mục đích lưu trữ thư viện, bằng việc bổ sung thêm một điểm, nằm trong Khoản 1, Điều 25, Luật Sở hữu trí tuệ Việt Nam như sau: “Sao chép tác phẩm để lưu trữ trong thư viện nhằm dự phòng thay thế cho bản gốc không thể sử dụng được hoặc theo định dạng mới phù hợp với sự phát triển của công nghệ”.

Cần mở rộng phạm vi ngoại lệ quyền sao chép liên quan đến việc tạo bản sao tác phẩm số phục vụ cho hành vi truy cập của người khiếm thị bằng cách bổ sung thêm một điểm, nằm trong Khoản 1, Điều 25, Luật Sở hữu trí tuệ Việt Nam như sau: “Sao chép tác phẩm để sử dụng trong thư viện ở định dạng phù hợp với mục đích và khả năng sử dụng của người khiếm thị.”

Cần mở rộng phạm vi ngoại lệ quyền sao chép liên quan đến hoạt động liên thư viện, bằng cách bổ sung thêm một điểm nằm trong

Khoản 1, Điều 25, Luật Sở hữu trí tuệ Việt Nam như sau: “Sao chép tác phẩm số được sử dụng cho mục đích hỗ trợ tài liệu giữa các thư viện”.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 3

Trong môi trường Internet, quyền sao chép và ngoại lệ của quyền sao chép đối diện nhiều vấn đề khác với môi trường vật chất hữu hình. Do đó, pháp luật sở hữu trí tuệ về quyền sao chép cần được sửa đổi, bổ sung để đảm bảo khả năng thực thi hiệu quả trong môi trường Internet.

CHƯƠNG 4

QUYỀN TỰ BẢO VỆ TÁC PHẨM BẰNG BIỆN PHÁP CÔNG NGHỆ

4.1. Khái niệm, đặc điểm, phân loại quyền tự bảo vệ tác phẩm bằng biện pháp công nghệ

4.1.1. Khái niệm quyền tự bảo vệ tác phẩm bằng biện pháp công nghệ

Quyền tự bảo vệ tác phẩm bằng biện pháp công nghệ là quyền áp dụng biện pháp công nghệ hiệu quả để bảo vệ tác phẩm số nhằm ngăn ngừa hành vi xâm phạm quyền tác giả của chủ sở hữu quyền tác giả.

4.1.2. Đặc điểm quyền tự bảo vệ tác phẩm bằng biện pháp công nghệ

Căn cứ Điều 11, Hiệp ước WCT và Điều 18, Hiệp ước WPPT, biện pháp bảo vệ tác phẩm phải là một biện pháp công nghệ hiệu quả, chủ thể áp dụng quyền tự bảo vệ tác phẩm bằng biện pháp công nghệ phải là chủ sở hữu quyền tác giả, quyền tự bảo vệ tác phẩm bằng biện pháp công nghệ được áp dụng nhằm mục đích ngăn chặn hành vi xâm phạm quyền tác giả. Đối chiếu các yêu cầu trên với quy định tại Điều 9, Luật Sở hữu trí tuệ Việt Nam vẫn còn sơ sài trong việc quy định

điều kiện cần và đủ mà chủ sở hữu quyền tác giả phải đáp ứng để được bảo hộ quyền tự bảo vệ tác phẩm bằng biện pháp công nghệ.

4.1.3. Phân loại quyền tự bảo vệ tác phẩm bằng biện pháp công nghệ

Căn cứ vào bản chất kỹ thuật của biện pháp công nghệ thì quyền tự bảo vệ tác phẩm bằng biện pháp công nghệ được phân thành hai loại: quyền tự bảo vệ tác phẩm bằng biện pháp công nghệ kiểm soát truy cập và quyền tự bảo vệ tác phẩm bằng biện pháp công nghệ kiểm soát khai thác tác phẩm. Tùy vào từng hệ thống pháp luật mà có thể có hoặc không có sự phân biệt giữa hai quyền tự bảo vệ tác phẩm bằng biện pháp công nghệ.

4.2. Pháp luật Việt Nam về quyền tự bảo vệ tác phẩm bằng biện pháp công nghệ

4.2.1. Thực trạng pháp luật về quyền tự bảo vệ tác phẩm bằng biện pháp công nghệ

Luật Sở hữu trí tuệ Việt Nam không giải thích như thế nào là một biện pháp công nghệ cũng như điều kiện áp dụng quyền tự bảo vệ tác phẩm bằng biện pháp công nghệ. Điểm a, Khoản 1, Điều 198, Luật Sở hữu trí tuệ Việt Nam quy định chủ thể quyền sở hữu trí tuệ có quyền “*áp dụng biện pháp công nghệ nhằm ngăn ngừa hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ*”. Hành vi xâm phạm quyền tác giả được quy định theo hướng liệt kê cụ thể tại Điều 28, Điều 35, Luật Sở hữu trí tuệ Việt Nam. Theo đó, hành vi xâm phạm quyền tác giả không chỉ bao gồm hành vi xâm phạm quyền nhân thân, quyền tài sản mà còn bao gồm cả hành vi xâm phạm các “*biện pháp kỹ thuật*”.

Luật Sở hữu trí tuệ Việt Nam không nhất quán trong cách thức sử dụng thuật ngữ giữa Điểm a, Khoản 1, Điều 98 (biện pháp công nghệ) và Khoản 12, Khoản 14, Điều 28, Luật Sở hữu trí tuệ Việt Nam (biện pháp kỹ thuật)

Khoản 14, Điều 28, Luật Sở hữu trí tuệ Việt Nam chỉ xem là hành vi xâm phạm quyền tác giả nếu như bên bán hoặc cho thuê thiết bị *“biết hoặc có cơ sở để biết thiết bị đó làm vô hiệu các biện pháp kỹ thuật do chủ sở hữu quyền tác giả thực hiện để bảo vệ quyền tác giả đối với tác phẩm của mình”*.

Khoản 14, Điều 28, Luật Sở hữu trí tuệ Việt Nam chỉ cấm các hành vi sản xuất, buôn bán nói chung đối với các thiết bị được sử dụng cho mục đích vô hiệu hóa biện pháp công nghệ mà không cấm hành vi tiếp thị một công nghệ, sản phẩm, dịch vụ, thiết bị để vô hiệu hóa sự bảo vệ được thực hiện bởi một biện pháp công nghệ dùng để bảo hộ hiệu quả một quyền của chủ sở hữu quyền tác giả.

Điều 28, hành vi thực hiện các hoạt động như quảng cáo, giới thiệu phương tiện, thiết bị, dịch vụ cho mục đích phá vỡ biện pháp kỹ thuật thì không bị xem là hành vi vi phạm theo Điều 28, Luật Sở hữu trí tuệ Việt Nam.

4.2.2. Hoàn thiện pháp luật về quyền tự bảo vệ tác phẩm bằng biện pháp công nghệ

Sửa đổi Khoản 12, Điều 28, Luật Sở hữu trí tuệ Việt Nam như sau: *“Cố ý huỷ bỏ hoặc làm vô hiệu hóa các biện pháp công nghệ hiệu quả do chủ sở hữu quyền tác giả thực hiện để bảo vệ quyền tác giả đối với tác phẩm của mình.”* Sửa đổi Khoản 14, Điều 28, Luật Sở hữu trí tuệ Việt Nam như sau: *“Sản xuất, lắp ráp, biến đổi, phân phối, nhập khẩu, xuất khẩu, bán hoặc cho thuê thiết bị, dịch vụ có mục đích thương mại chủ yếu hoặc duy nhất cho việc làm vô hiệu hóa các biện pháp công nghệ hiệu quả do chủ sở hữu quyền tác giả thực hiện để bảo vệ quyền tác giả đối với tác phẩm của mình”*. Bổ sung một khoản nằm trong Điều 28, Luật Sở hữu trí tuệ Việt Nam như sau: *“Thực hiện hoạt động quảng cáo, giới thiệu hoặc các hoạt động xúc tiến thương mại cho các thiết bị, dịch vụ có mục đích thương mại chủ yếu cho mục đích vô hiệu hóa các biện pháp công nghệ do chủ sở hữu quyền tác*

giả thực hiện đối với tác phẩm của mình.” Bổ sung thêm đối tượng là người cung cấp dịch vụ vô hiệu hóa biện pháp công nghệ.

4.3. Pháp luật Việt Nam về ngoại lệ quyền tự bảo vệ tác phẩm bằng biện pháp công nghệ

4.3.1. Thực trạng pháp luật về ngoại lệ quyền tự bảo vệ tác phẩm bằng biện pháp công nghệ

Điều a, Khoản 1, Điều 198, Luật Sở hữu trí tuệ Việt Nam thừa nhận việc áp dụng các biện pháp công nghệ là quyền tự bảo vệ của chủ sở hữu quyền tác giả. Khoản 12, Khoản 13 và Khoản 14, Điều 28, Luật Sở hữu trí tuệ Việt Nam quy định về các hành vi xâm phạm quyền tác giả. Điều 25 và Điều 26, Luật Sở hữu trí tuệ Việt Nam quy định về ngoại lệ quyền tác giả bằng cách liệt kê hành vi. Nếu một hành vi không được liệt kê tại Khoản 1, Điều 25 và Khoản 1, Điều 26, Luật Sở hữu trí tuệ Việt Nam thì đó là hành vi xâm phạm quyền tác giả. Quy định nêu trên không chỉ không phù hợp mà còn vô hiệu hóa các quy định về ngoại lệ tại Điều 25 và Điều 26.

4.3.2. Hoàn thiện pháp luật về ngoại lệ quyền tự bảo vệ tác phẩm bằng biện pháp công nghệ

Sửa đổi Khoản 12, Điều 28, Luật Sở hữu trí tuệ Việt Nam như sau: *“Cố ý hủy bỏ hoặc làm vô hiệu các biện pháp kỹ thuật do chủ sở hữu quyền tác giả thực hiện để bảo vệ quyền tác giả đối với tác phẩm của mình, trừ trường hợp việc hủy bỏ hoặc làm vô hiệu các biện pháp kỹ thuật này để thực hiện các quyền tại Điều 25 và Điều 26 Luật Sở hữu trí tuệ Việt Nam”*

Cần quy định một điều luật trước điều 25, Luật Sở hữu trí tuệ Việt Nam về những hành vi khai thác tác phẩm mà không phải là hành vi xâm phạm quyền tác giả như sau: *“Cá nhân, tổ chức được phép khai thác tác phẩm đã công bố mà không phải xin phép chủ sở hữu quyền tác giả nhưng phải đảm bảo không làm ảnh hưởng đến việc khai thác bình thường tác phẩm, không nhằm mục đích thương mại,*

không làm thiệt hại bất hợp lý lợi ích kinh tế của chủ sở hữu quyền tác giả và phải ghi hoặc nhắc tên và nguồn gốc tác phẩm”.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 4

Một biện pháp công nghệ được tạo ra bởi con người thì cũng có thể bị phá vỡ bởi con người, vì vậy pháp luật cho phép xác lập quyền tự bảo vệ tác phẩm bằng biện pháp công nghệ, ngăn cấm các hành vi vô hiệu hóa biện pháp công nghệ. Tuy nhiên, nếu việc sử dụng các biện pháp công nghệ bảo vệ tác phẩm được pháp luật bảo vệ quá mức thì sẽ làm ảnh hưởng đến tính thực thi của các ngoại lệ. Vì vậy, việc xem xét khả năng áp dụng các quy định hiện hành liên quan đến quyền tự bảo vệ tác phẩm bằng biện pháp công nghệ và ngoại lệ quyền tự bảo vệ tác phẩm trong môi trường Internet là rất cần thiết.

KẾT LUẬN

Pháp luật về bảo hộ quyền tác giả nhằm cân bằng giữa lợi ích của người sáng tạo tác phẩm và lợi ích công cộng. Trong bối cảnh này, Luận án đã xác định rõ mục tiêu cân bằng giữa quyền của người sáng tạo tác phẩm và quyền tiếp cận tri thức, tận hưởng văn hóa, nghệ thuật của công chúng không chỉ được bảo đảm trong môi trường vật chất truyền thống, mà còn phải duy trì trong môi trường Internet. Tuy nhiên, môi trường Internet do đặc tính không biên giới và tính phi tập trung cao đòi hỏi pháp luật về bảo hộ quyền tác giả cần phải có những thay đổi phù hợp để đảm bảo được mục đích cân bằng nói trên.

Luận án xác định được những vấn đề do Internet đặt ra đối với quyền tác giả như sau:

Một, công nghệ kỹ thuật số cho phép tạo ra một số lượng lớn nhất các bản sao hoàn hảo của tác phẩm trong thời gian nhanh nhất với chi phí thấp nhất. Điều này đặt ra vấn đề về bảo hộ quyền tác giả trong môi trường Internet.

Hai, đặc tính số hóa của tác phẩm cho phép các tác phẩm được truyền tải trong không gian mạng. Quá trình này yêu cầu yêu cầu

dữ liệu phải được truyền qua bộ nhớ truy cập ngẫu nhiên của nhiều máy chủ trung gian trước khi được tải xuống hoặc hiển thị trên màn hình máy tính người dùng Internet. Đồng thời, đặc tính số hóa cũng làm cho tác phẩm được tồn tại dưới nhiều định dạng điện tử khác nhau. Điều này khác biệt hoàn toàn với một tác phẩm dưới hình thức vật chất thông thường. Điều này đặt ra vấn đề về việc xác định phạm vi quyền sao chép trong môi trường Internet.

Ba, chủ sở hữu quyền tác giả sử dụng biện pháp công nghệ bảo vệ tác phẩm nhằm ngăn chặn hành vi xâm phạm quyền tác giả trong môi trường Internet. Quyền tự bảo vệ tác phẩm bằng biện pháp công nghệ đã được pháp luật ghi nhận. Tuy nhiên, quá trình sử dụng biện pháp công nghệ của chủ sở hữu quyền tác giả có thể xâm phạm đến quyền của người dùng trong những trường hợp được sử dụng tác phẩm mà không cần xin phép chủ sở hữu quyền tác giả. Điều này đặt ra yêu cầu về việc cân bằng giữa quyền tự bảo vệ tác phẩm bằng biện pháp công nghệ với quyền của người dùng Internet.

Trên cơ sở những nội dung trên, Luận án đã phân tích hạn chế và kiến nghị sửa đổi, bổ sung Luật sở hữu trí tuệ liên quan đến các nhóm vấn đề sau:

Nhóm vấn đề thứ nhất: pháp luật về quyền sao chép trong môi trường Internet.

Hạn chế 1: Luận án xác định pháp luật sở hữu trí tuệ không quy định rõ ràng về hình thức thể hiện của một bản sao. Cũng như không có quy định pháp luật thể hiện quan điểm rõ ràng về việc điều chỉnh quyền sao chép đối với bản sao lưu trữ tạm thời trong môi trường Internet. Để giải quyết hạn chế nêu trên của pháp luật, Luận án đề xuất các kiến nghị sau:

Kiến nghị 1: Một, sửa đổi, bổ sung điểm c, khoản 1, điều 20, Luật Sở hữu trí tuệ Việt Nam về quyền sao chép tác phẩm như sau: “Sao chép trực tiếp hoặc gián tiếp toàn bộ hoặc một phần tác phẩm

bằng bất kỳ phương tiện kỹ thuật hay hình thức nào đã biết hoặc sẽ biết trong tương lai. Trong trường hợp sao chép tạm thời là một phần thiết yếu không thể tách rời của một quy trình công nghệ, diễn ra trong quá trình hoạt động bình thường của các thiết bị được sử dụng thì không áp dụng quyền sao chép”.

Kiến nghị 2: Bổ sung định nghĩa về tính định hình ở mục giải thích từ ngữ tại Điều 4, Luật Sở hữu trí tuệ Việt Nam như sau: “Định hình là sự cố định dưới một hình thức đủ bền vững cho phép những gì ghi trên đó có thể được cảm nhận, sao chép, truyền đạt. Hình thức đủ bền vững là hình thức mà trên đó tác phẩm được định hình, có thể xem xét dưới khía cạnh về công năng theo nghĩa là tác phẩm đó có thể được cảm nhận, sao chép, hoặc truyền đạt tới công chúng với sự trợ giúp của công nghệ số”.

Nhóm vấn đề thứ hai: Ngoại lệ quyền sao chép trong môi trường Internet.

Hạn chế 2: Việc chỉ cho phép tự sao chép một bản theo quy định tại Điểm a, Khoản 1, Điều 25, Luật Sở hữu trí tuệ Việt Nam sẽ tạo ra sự không rõ ràng của các yêu cầu “tự sao chép”, “giảng dạy cá nhân”.

Để giải quyết hạn chế nêu trên của pháp luật, Luận án kiến nghị sửa đổi Điểm a, Khoản 1, Điều 25, Luật Sở hữu trí tuệ Việt Nam như sau: “Sao chép một bản nhằm mục đích nghiên cứu khoa học, giảng dạy không nhằm mục đích thương mại”.

Hạn chế 3: Pháp luật về ngoại lệ quyền tác giả của Việt Nam không giải quyết vấn đề sao chép để phục vụ người dùng thư viện. Pháp luật không đề cập đến việc tạo bản sao tác phẩm số của bản in để phục vụ người kiểm thị.

Để giải quyết hạn chế nêu trên, Luận án đề xuất các kiến nghị sau:

- Bổ sung thêm một điểm vào Khoản 1, Điều 25, Luật Sở hữu trí tuệ Việt Nam với nội dung như sau: “*Hành vi khai thác tác phẩm của thư viện không phải là hành vi xâm phạm quyền tác giả nếu hành vi này được thực hiện bởi hoặc nhân danh cơ quan quản lý thư viện, cho mục đích duy trì hoạt động hoặc lưu trữ của thư viện, và không được khai thác vì mục đích thương mại*”.

- Bổ sung thêm một điểm, nằm trong Khoản 1, Điều 25, Luật Sở hữu trí tuệ Việt Nam với nội dung như sau: “*Sao chép tác phẩm để lưu trữ trong thư viện nhằm dự phòng thay thế cho bản gốc không thể sử dụng được hoặc theo định dạng mới phù hợp với sự phát triển của công nghệ*”.

- Bổ sung thêm một điểm, nằm trong Khoản 1, Điều 25, Luật Sở hữu trí tuệ Việt Nam với nội dung như sau: “*Sao chép tác phẩm để sử dụng trong thư viện ở định dạng phù hợp với mục đích và khả năng sử dụng của người khiếm thị*”.

- Bổ sung thêm một điểm nằm trong Khoản 1, Điều 25, Luật Sở hữu trí tuệ Việt Nam với nội dung như sau: “*Sao chép tác phẩm số được sử dụng cho mục đích hỗ trợ tài liệu giữa các thư viện*”.

Nhóm vấn đề thứ ba, quyền tự bảo vệ tác phẩm bằng biện pháp công nghệ.

Hạn chế 4: Luật Sở hữu trí tuệ Việt Nam không nhất quán trong cách thức sử dụng thuật ngữ giữa Điểm a, Khoản 1, Điều 98 (biện pháp công nghệ) với Khoản 12, Khoản 14, Điều 28, Luật Sở hữu trí tuệ (biện pháp kỹ thuật).

Để giải quyết hạn chế này, Luận án kiến nghị sửa đổi Khoản 12, Điều 28, Luật Sở hữu trí tuệ Việt Nam như sau: “*Có ý huỷ bỏ hoặc làm vô hiệu hóa các biện pháp công nghệ hiệu quả do chủ sở hữu quyền tác giả thực hiện để bảo vệ quyền tác giả đối với tác phẩm của mình*”.

Hạn chế 5: Khoản 14, Điều 28, Luật Sở hữu trí tuệ Việt Nam chỉ xem là hành vi xâm phạm quyền tác giả nếu như bên bán hoặc cho thuê thiết bị “*biết hoặc có cơ sở để biết thiết bị đó làm vô hiệu các biện pháp kỹ thuật do chủ sở hữu quyền tác giả thực hiện để bảo vệ quyền tác giả đối với tác phẩm của mình*”. Quy định này đặt ra vấn đề về nhận thức chủ quan của chủ thể thực hiện hành vi mua bán là không phù hợp.

Để giải quyết hạn chế này, Luận án kiến nghị sửa đổi Khoản 14, Điều 28, Luật Sở hữu trí tuệ Việt Nam như sau: “*Sản xuất, lắp ráp, biến đổi, phân phối, nhập khẩu, xuất khẩu, bán hoặc cho thuê thiết bị, dịch vụ có mục đích thương mại chủ yếu hoặc duy nhất cho việc làm vô hiệu hóa các biện pháp công nghệ hiệu quả do chủ sở hữu quyền tác giả thực hiện để bảo vệ quyền tác giả đối với tác phẩm của mình*”.

Hạn chế 6: Khoản 14, Điều 28, Luật Sở hữu trí tuệ Việt Nam chỉ cấm các hành vi sản xuất, buôn bán nói chung đối với các thiết bị được sử dụng cho mục đích vô hiệu hóa biện pháp công nghệ mà không cấm hành vi tiếp thị một công nghệ, sản phẩm, dịch vụ, thiết bị để vô hiệu hóa sự bảo vệ được thực hiện bởi một biện pháp công nghệ dùng để bảo hộ hiệu quả một quyền của chủ sở hữu quyền tác giả. Đối với nhóm thực hiện các hoạt động như quảng cáo, giới thiệu phương tiện, thiết bị, dịch vụ cho mục đích phá vỡ biện pháp kỹ thuật thì không bị xem là hành vi vi phạm theo Điều 28, Luật Sở hữu trí tuệ Việt Nam.

Để giải quyết hạn chế này, Luận án kiến nghị bổ sung một khoản nằm trong Điều 28, Luật Sở hữu trí tuệ Việt Nam như sau: “*Thực hiện hoạt động quảng cáo, giới thiệu hoặc các hoạt động xúc tiến thương mại cho các thiết bị, dịch vụ có mục đích thương mại chủ yếu cho mục đích vô hiệu hóa các biện pháp công nghệ do chủ sở hữu quyền tác giả thực hiện đối với tác phẩm của mình.*” Đồng thời, bổ

sung thêm đối tượng là người cung cấp dịch vụ vô hiệu hóa biện pháp công nghệ.

Nhóm vấn đề thứ tư, ngoại lệ quyền tự bảo vệ tác phẩm bằng biện pháp công nghệ.

Hạn chế 7: Điều 25 và Điều 26, Luật Sở hữu trí tuệ Việt Nam quy định về ngoại lệ quyền tác giả bằng cách liệt kê hành vi. Nghĩa là, để sử dụng tác phẩm mà không xin phép thì phải đáp ứng điều kiện là thuộc các trường hợp đã được pháp luật liệt kê. Nếu một hành vi không được liệt kê tại Khoản 1, Điều 25 và Khoản 1, Điều 26, Luật Sở hữu trí tuệ Việt Nam thì đó là hành vi xâm phạm quyền tác giả. Quy định nêu trên không chỉ không phù hợp mà còn vô hiệu hóa các quy định về ngoại lệ tại Điều 25 và Điều 26.

Để giải quyết hạn chế này, Luận án kiến nghị sửa đổi Khoản 12, Điều 28, Luật Sở hữu trí tuệ Việt Nam như sau: *“Cố ý hủy bỏ hoặc làm vô hiệu các biện pháp kỹ thuật do chủ sở hữu quyền tác giả thực hiện để bảo vệ quyền tác giả đối với tác phẩm của mình, trừ trường hợp việc hủy bỏ hoặc làm vô hiệu các biện pháp kỹ thuật này để thực hiện các quyền tại Điều 25 và Điều 26 Luật Sở hữu trí tuệ Việt Nam”*

Ngoài ra, để đảm bảo ngoại lệ quyền tác giả trong môi trường Internet thích ứng kịp thời với sự phát triển của công nghệ thì Luật Sở hữu trí tuệ Việt Nam cần quy định một điều luật trước điều 25, Luật Sở hữu trí tuệ Việt Nam về những hành vi khai thác tác phẩm mà không phải là hành vi xâm phạm quyền tác giả với nội dung như sau: *“Cá nhân, tổ chức được phép khai thác tác phẩm đã công bố mà không phải xin phép chủ sở hữu quyền tác giả nhưng phải đảm bảo không làm ảnh hưởng đến việc khai thác bình thường tác phẩm, không nhằm mục đích thương mại, không làm thiệt hại bất hợp lý lợi ích kinh tế của chủ sở hữu quyền tác giả và phải ghi hoặc nhắc tên và nguồn gốc tác phẩm”*.

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU

1. Võ Trung Hậu (2020), “Pháp luật về bản sao kỹ thuật số”, *Tạp chí Khoa học và Công nghệ Việt Nam*, 04, 13.
2. Võ Trung Hậu (2019), “Quan điểm của Tòa án Công lý Liên minh Châu Âu đối với tính hợp pháp của các liên kết website”, *Tạp chí Nghiên cứu Châu Âu*, 231, 33.
3. Võ Trung Hậu (2019), “Ngoại lệ đối với sao chép tác phẩm trong môi trường Internet”, *Tạp chí Giáo dục và Xã hội*, 11, 148.
4. Võ Trung Hậu (2019), “Quyền tác giả đối với liên kết website”, *Tạp chí Khoa học và Công nghệ Việt Nam*, 10, 34.